TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 16-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thu Cúc;

Ông Hoàng Kim Niên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nông Văn Đông - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lành Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1954 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Bằng X (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); chồng Cam Tống X đã chết; con: Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1973, con thứ hai sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 24-8-2022 đến ngày 26-8-2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Vân K, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Lưu Thị Ngọc L (tên gọi khác Lưu Thị S), sinh năm 1978; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Vũ Thiên H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số *, đường L, khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Lệ H1, sinh năm 1989; địa chỉ nơi thường trú: Thôn L, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số *, đường B, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Mai Thúy H2, sinh năm 1985; địa chỉ nơi thường trú: Số *, ngõ *, đường P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số *, đường C, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra xác định được bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận: Từ năm 2020 đến năm 2022 tại nhà riêng ở khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Bùi Thị T đã cho 05 người gồm chị Nguyễn Thị Vân K, chị Lưu Thị Ngọc L, anh Vũ Thiên H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Mai Thúy H2 vay tiền nhiều lần với mức lãi suất từ 146% đến 255,5%/năm trở lên của mỗi khoản vay, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính tổng số tiền 177.276.126 đồng, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Vân K: Từ ngày 30-11-2020 âm lịch (tức ngày 12-01-2021 dương lịch) đến ngày 10-4-2022 âm lịch (tức ngày 10-5-2022 dương lịch) vay tiền 16 lần với tổng số tiền vay 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm. Chị Nguyễn Thị Vân K đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 92.260.000 đồng tiền lãi. Hiện chị Nguyễn Thị Vân K còn nợ bị cáo Bùi Thị T 100.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 7.222.164 đồng. Số tiền bị cáo Bùi Thị T thu lợi bất chính: 92.260.000 đồng – 7.222.164 đồng = 85.037.836 đồng.

2. Chị Lưu Thị Ngọc L (tên gọi khác là Lưu Thị S): Từ ngày 02-02-2020 (tức ngày 09-01-2020 âm lịch) đến ngày 22-3-2022 (tức ngày 20-02-2022 âm lịch) vay tiền 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 7.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm. Chị Lưu Thị Ngọc L đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 10.000.000 đồng tiền gốc và 87.800.000 đồng tiền lãi. Hiện chị Lưu Thị Ngọc L còn nợ bị cáo Bùi Thị T 25.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 5.917.860 đồng. Số tiền Trường thu lợi bất chính: 87.800.000 đồng – 5.917.860 đồng = 81.882.140 đồng.

3. Anh Vũ Thiên H: Ngày 24-5-2022 (tức ngày 24-4-2022 âm lịch) vay tiền 01 lần bằng hình thức vay bát họ với số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị T thu trước số tiền lãi là 6.000.000 đồng, anh Vũ Thiên H chỉ được nhận 24.000.000 đồng, tương đương lãi suất 146%/năm. Anh Vũ Thiên H phải trả

cho bị cáo Bùi Thị T mỗi ngày 600.000 đồng tiền nợ gốc trong 50 ngày. Anh Vũ Thiên H đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 30.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 821.925 đồng. Số tiền bị cáo Bùi Thị T thu lợi bất chính: 6.000.000 đồng – 821.925 đồng = 5.178.075 đồng.

4. Chị Trần Thị Lệ H1: Ngày 20-6-2022 âm lịch (tức ngày 18-7-2022 dương lịch) vay tiền 01 lần bằng hình thức vay bát họ với số tiền 10.000.000 đồng, Trường thu trước số tiền lãi là 2.000.000 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 chỉ được nhận 8.000.000 đồng, tương đương lãi suất 12,2/ tháng, 146%/năm. Chị Trần Thị Lệ H1 phải trả cho bị cáo Bùi Thị T mỗi ngày 200.000 đồng tiền nợ gốc trong 50 ngày. Chị Trần Thị Lệ H1 đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 6.200.000 đồng tiền gốc, còn nợ 3.800.000 đồng tiền nợ gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 273.975 đồng. Số tiền bị cáo Bùi Thị T thu lợi bất chính: 2.000.000 đồng – 273.975 đồng = 1.726.025 đồng.

5. Chị Mai Thúy H2: Ngày 20-6-2022 âm lịch (tức ngày 18-7-2022 dương lịch) đến ngày 22-7-2022 âm lịch (tức ngày 19-8-2022 dương lịch) vay tiền 02 lần bằng hình thức vay bát họ với tổng số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị T thu trước số tiền lãi là 4.000.000 đồng, chị Mai Thúy H2 chỉ được nhận 16.000.000 đồng, tương đương lãi suất 12,2/ tháng, 146%/năm. Chị Mai Thúy H2 phải trả cho bị cáo Bùi Thị T mỗi ngày 200.000 đồng tiền nợ gốc trong 50 ngày. Chị Mai Thúy H2 đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 6.600.000 đồng tiền gốc, còn nợ 13.400.000 đồng tiền nợ gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 547.950 đồng. Số tiền bị cáo Bùi Thị T thu lợi bất chính: 4.000.000 đồng – 547.950 đồng = 3.452.050 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo Bùi Thị T sử dụng cho 05 người vay trên là 195.000.000 đồng, người vay đã trả cho bị cáo Bùi Thị T 52.800.000 đồng tiền nợ gốc, hiện còn 04 người vay chưa trả bị cáo Bùi Thị T số tiền nợ gốc là 142.200.000 đồng gồm chị Nguyễn Thị Vân K 100.000.000 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L 25.000.000 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 3.800.000 đồng, chị Mai Thúy H2 13.400.000 đồng. Bị cáo Bùi Thị T đã thu tiền lãi của các khoản vay trên tổng cộng là 192.060.000 đồng, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật là 14.783.874 đồng. Trừ đi số tiền lãi theo quy định, bị cáo Bùi Thị T đã thu lợi bất chính của 05 người là 177.276.126 đồng.

Về cách thức cho vay: Khi có người đến hỏi vay tiền, bị cáo Bùi Thị T sẽ thỏa thuận với người vay số tiền và mức lãi suất, nếu người vay đồng ý với mức lãi suất do bị cáo Bùi Thị T đưa ra thì hai bên viết nội dung vay tiền (ngày, tháng, năm, họ tên người vay, số tiền vay) vào quyển sổ ghi chép của bị cáo Bùi Thị T, hai bên ký nhận rồi bị cáo Bùi Thị T đưa cho người vay số tiền vay.

Ngày vay, số tiền vay bị cáo Bùi Thị T ghi vào sổ là ngày âm lịch, nhưng khi thanh toán tiền lãi thì tính theo ngày dương lịch.

Về lãi suất cho vay: Đối với hình thức vay lãi theo ngày, bị cáo Bùi Thị T tính lãi suất từ 2.000 đồng đến 10.000 đồng /1.000.000 đồng / ngày tùy theo mối quan hệ quen biết. Đối với hình thức vay bát họ, một bát bị cáo Bùi Thị T quy định là 10.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị T sẽ cắt trước số tiền lãi là 2.000.000 đồng, số tiền người vay nhận được là 8.000.000 đồng, số tiền vay 10.000.000 đồng người vay sẽ phải trả cho bị cáo Bùi Thị T trong vòng 50 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả 200.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, hiện đang tạm giữ 02 quyển sổ bìa màu đen, cũ đã qua sử dụng bên trong có nhiều chữ và số viết tay mực đen.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSCL ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị T khẳng định bị truy tố về các tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như nội dung của Cáo trạng là đúng, không oan sai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Vân K, chị Lưu Thị Ngọc L, anh Vũ Thiên H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Mai Thúy H2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện: Việc vay tiền, trả lãi với bị cáo Bùi Thị T như cáo trạng truy tố, trong đó chị Nguyễn Thị Vân K, chị Lưu Thị Ngọc L, anh Vũ Thiên H, chị Trần Thị Lệ H1 và chị Mai Thúy H2 cùng có yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo tổng số tiền 67.583.847 đồng để sung ngân sách nhà nước, trong đó gồm 52.800.000 đồng tiền gốc bị cáo đã thu được và 14.783.874 đồng tiền lãi của các khoản vay tính

theo mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật bị cáo đã thu được. Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền cho vay gốc 142.200.000 đồng của 04 người vay chưa trả cho bị cáo gồm chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 100.000.000 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 25.000.000 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 3.800.000 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 13.400.000 đồng. Bị cáo phải trả lại 177.276.126 đồng cho 05 người vay số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính thực tế đã thu được, trong đó trả lại cho chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 85.037.836 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 81.882.140 đồng, anh Vũ Thiên H số tiền 5.178.075 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 1.726.025 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 3.452.050 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 02 quyển sổ bìa màu đen, cũ đã qua sử dụng bên trong có nhiều chữ và số viết tay mực đen có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Vân K, chị Lưu Thị Ngọc L, anh Vũ Thiên H, chị Trần Thị Lệ H1, chị Mai Thúy H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không đến phiên tòa. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị T khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian từ năm 2020 đến tháng 8 năm 2022, bị cáo Bùi Thị T đã cho chị Nguyễn Thị Vân K, chị Lưu Thị Ngọc L, anh Vũ Thiên H, chị Trần Thị Lệ H1 và chị Mai Thúy H2 vay tiền

với mức lãi suất từ 146%/năm trở lên, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính số tiền 177.276.126 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Thị T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo hám lợi, vụ án tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì hám lợi mà cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe, làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị T không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về các hành vi của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra, bị cáo là người cao tuổi, sức khỏe yếu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng không có.

[7] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị nào phù hợp với nhận định trên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Bùi Thị T tội ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xét xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hình phạt chính được áp dụng đối với bị cáo Bùi Thị T không phải hình phạt tiền, vì vậy cần thiết xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

[10] Ngoài 05 người vay trong vụ án này, bị cáo Bùi Thị T còn cho nhiều người khác vay tiền nhưng không tính lãi suất, do không có thông tin cụ thể về người vay và số tiền vay nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét, giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[11] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo Bùi Thị T đã thu được là 52.800.000 đồng và tiền lãi của các khoản vay tính theo mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật bị cáo đã thu được 14.783.874 đồng là phương tiện phạm tội, khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền cho vay gốc 142.200.000 đồng của 04 người vay chưa trả cho bị cáo gồm chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 100.000.000 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 25.000.000 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 3.800.000 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 13.400.000 đồng. Bị cáo phải trả lại 177.276.126 đồng cho 05 người vay số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính thực tế đã thu được, trong đó trả lại cho chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 85.037.836 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 81.882.140 đồng, anh Vũ Thiên H số tiền 5.178.075 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 1.726.025 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 3.452.050 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 quyển sổ bìa màu đen, cũ đã qua sử dụng bên trong có nhiều chữ và số viết tay mực đen do có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Do bị cáo Bùi Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 47, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 3, 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 16 tháng 01 năm 2023. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị T số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Bùi Thị T số tiền 67.583.847 đồng.

3.2. Truy thu sung ngân sách nhà nước của chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 100.000.000 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 25.000.000 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 3.800.000 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 13.400.000 đồng.

3.3. Buộc bị cáo Bùi Thị T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Vân K số tiền 85.037.836 đồng, chị Lưu Thị Ngọc L số tiền 81.882.140 đồng, anh Vũ Thiên H số tiền 5.178.075 đồng, chị Trần Thị Lệ H1 số tiền 1.726.025 đồng, chị Mai Thúy H2 số tiền 3.452.050 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ bìa màu đen, cũ đã qua sử dụng bên trong có nhiều chữ, số viết tay màu đen thu giữ tại chỗ ở của Bùi Thị T, bên trong có chữ ký của Bùi Thị T; 01 quyển sổ bìa màu đen, cũ đã qua sử dụng, bìa in chữ "SỔ TỔNG HỢP", bên trong có nhiều chữ, số viết tay thu giữ tại chỗ ở của Bùi Thị T, bên trong có chữ ký của Bùi Thị T.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 29 tháng 12 năm 2022).

5. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền